

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**[®])

Công ty thành viên của JPA International

Trụ sở chính : 33 Phan Văn Khỏe, phường 13, quận 5, Tp.HCM

Tel : +84 (28) 3859 4168

Fax : +84 (28) 3859 2285

Email : contact@vietvalues.com

Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 1

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng thành viên	02 - 04
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	05 - 06
3. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024	07 - 08
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	9
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10
6. Bản thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	11 - 41



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN

Hội đồng thành viên Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 đã được kiểm toán của Công ty.

1. Khái quát chung về công ty

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 1 là doanh nghiệp được thành lập dưới hình thức chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên theo Quyết định số 4154/QĐ-UBND ngày 23 tháng 09 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt đề án chuyển đổi Công ty Công trình Công cộng Quận 1 thành Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên Dịch vụ Công ích Quận 1.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300853312, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 12 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 1 ngày 16 tháng 08 năm 2013, thay đổi lần thứ 2 ngày 18 tháng 11 năm 2015, thay đổi lần thứ 3 ngày 28 tháng 8 năm 2019, thay đổi lần thứ 4 ngày 20 tháng 12 năm 2024 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Vốn điều lệ : 141.833.000.000 VND.

2. Trụ sở chính hoạt động

Địa chỉ : Số 28-30 Nguyễn Thái Bình, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. HCM

Điện thoại : + 84(28) 3821 5611

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động công ích

- Quét dọn, thu gom, và thu gom vận chuyển các loại rác đô thị trên địa bàn theo phân cấp;
- Tổ chức quản lý mạng lưới nhà vệ sinh công cộng;
- Quản lý, duy tu, bảo dưỡng hệ thống thoát nước, công trình giao thông theo chỉ tiêu giao và phân cấp quản lý của thành phố;
- Quản lý bảo dưỡng nâng cấp nhà thuộc sở hữu Nhà nước phân cấp giao Quận quản lý;
- Tổ chức ký hợp đồng cho thuê và thu tiền thuê theo quy định của Nhà nước;
- Đầu tư khai thác và phát triển quỹ nhà thuộc sở hữu Nhà nước.

Hoạt động kinh doanh khác

- Tổ chức dịch vụ vệ sinh công cộng trong địa bàn dân cư;
- Thi công vườn hoa, cây kiểng;
- San lấp mặt bằng và sửa chữa phương tiện chuyên dụng theo hợp đồng kinh tế.

4. Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát và Ban Điều hành

4.1. Hội đồng thành viên

Hội đồng thành viên của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Hà Tôn Tuấn Hiệp	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Trung	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thúy Mai	Thành viên

4.2. Kiểm soát viên

Kiểm soát viên của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Ngô Phước Hưng	Kiểm soát viên

4.3. Ban Điều hành

Ban Điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Văn Trung	Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Nhân	Phó Giám đốc
Ông Trần Mạnh Cường	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Võ Phương Quỳnh	Phó Giám đốc
Bà Trương Ngọc Kim Nga	Kế toán trưởng

5. Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Trung – Giám đốc Công ty.

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 07 đến trang 41.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Hội đồng thành viên, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc năm tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.



8. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty. Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

9. Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Điều hành đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Điều hành cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

10. Phê duyệt các Báo cáo tài chính

Hội đồng thành viên phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2025.

TM. Hội đồng thành viên



HÀ TÔN TUẤN HIỆP
Chủ tịch Hội đồng thành viên

Số: 2008/25/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN ĐIỀU HÀNH
CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 1

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 1 (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 24 tháng 01 năm 2025, từ trang 07 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Theo bản thuyết minh báo cáo tài chính mục số V.3, V.4, V.13, V.14, V.18 chúng tôi chưa nhận được thư xác nhận các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng với số tiền 25.735.548.156 VND, khoản trả trước cho người bán ngắn hạn với số tiền 634.822.564 VND, khoản phải trả người bán ngắn hạn với số tiền 2.876.229.510 VND, khoản phải trả ngắn hạn khác với số tiền 4.675.839.190 VND khoản phải trả dài hạn khác với số tiền 317.950.000 VND. Với những tài liệu hiện có, chúng tôi không thể kiểm tra được tính hiện hữu của các khoản mục nêu trên bằng các thủ tục kiểm toán khác. Do vậy, chúng tôi không đủ cơ sở để xác định ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề nêu trên cũng như ảnh hưởng của nó đến Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Như bản thuyết minh báo cáo tài chính mục số V.2b, Công ty chưa trích lập đầy đủ dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn với số tiền 3.065.392.183 VND theo số liệu trên báo cáo tài chính tự lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn (SPT). Nếu Công ty hạch toán đầy đủ chi phí dự phòng khoản đầu tư nêu trên thì trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh chỉ tiêu số 22 – Chi phí tài chính sẽ tăng lên và chỉ tiêu số 50 – Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế sẽ giảm đi với số tiền tương ứng, đồng thời sẽ ảnh hưởng đến các chỉ tiêu khác trên Bảng cân đối kế toán và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (nếu có);

- Tại thuyết minh số V.19, VI.2, trong năm Công ty hạch toán khoản dự phòng phải trả ngắn hạn khi duyệt quyết toán vào giá vốn hàng bán đối với dự án Khu nhà ở tái định cư cho các hộ dân địa điểm 7/4A Kha Vạn Cân, phường Linh Đông, Tp.Thủ Đức với số tiền 2.357.534.937 VND. Điều này làm cho chỉ tiêu số 11 – giá vốn hàng bán sẽ tăng và chỉ tiêu số 50 – Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giảm đi với số tiền tương ứng, đồng thời sẽ ảnh hưởng đến các chỉ tiêu khác trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (nếu có);
- Theo bản thuyết minh báo cáo tài chính mục số V.15, Công ty chưa ghi nhận đầy đủ nghĩa vụ phải trả và phải thu đối với tiền thuê đất và tiền chậm nộp (nếu có) theo thông báo của các địa chỉ nhà cho thuê chưa thu được tiền thuê nhà;
- Theo bản thuyết minh báo cáo tài chính mục số VI.1, Công ty ghi nhận doanh thu công ích về dịch vụ quét dọn, thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt theo đơn giá tạm tính với số tiền 10.576.883.691 VND. Với những tài liệu hiện có, chúng tôi không thể kiểm tra được tính chính xác của khoản mục này bằng các thủ tục kiểm toán khác. Do đó, chúng tôi không có cơ sở xác định ảnh hưởng của vấn đề nêu trên cũng như ảnh hưởng của nó (nếu có) đến bảng cân đối kế toán, kết quả hoạt động kinh doanh cũng như lưu chuyển tiền tệ.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ các ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 1 tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý đến người đọc Thuyết minh số IV.11, Quỹ tiền lương năm 2024 Công ty tạm ước tính theo Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016, Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 09 năm 2016 và thông tư 06/2024/TT - BLĐTBXH ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 và và Thông tư 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán, Công ty vẫn chưa được chủ sở hữu phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện năm 2024.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2025.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)



Ths.Huỳnh Trúc Lâm – Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN số 1523-2023-071-1
Chữ ký được ủy quyền

Chu Thị Huệ - Kiểm toán viên
Giấy CNDKHN số 6773-2024-071-1

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	A- TÀI SẢN NGẮN HẠN		172.680.883.672	145.775.267.003
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	87.573.621.397	56.854.153.221
111	1. Tiền		18.273.621.397	11.554.153.221
112	2. Các khoản tương đương tiền		69.300.000.000	45.300.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		20.500.000.000	13.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2a	20.500.000.000	13.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		60.247.892.482	69.113.017.568
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	58.105.082.392	68.314.531.876
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	1.523.176.065	812.473.507
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	972.123.217	897.267.510
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	V.6	(352.489.192)	(911.255.325)
140	IV. Hàng tồn kho	V.7	2.905.271.727	2.825.793.643
141	1. Hàng tồn kho		2.967.811.125	2.907.180.640
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(62.539.398)	(81.386.997)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.454.098.066	3.982.302.571
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.8a	1.454.098.066	1.949.516.982
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.15	-	2.032.785.589
200	B- TÀI SẢN DÀI HẠN		108.300.326.208	112.348.177.141
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		67.558.951	67.558.951
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.5b	67.558.951	67.558.951
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		-	-
220	II. Tài sản cố định		24.632.245.390	23.216.266.875
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.9	23.050.711.754	21.568.406.971
222	- Nguyên giá		98.421.871.926	99.313.787.742
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(75.371.160.172)	(77.745.380.771)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.10	1.581.533.636	1.647.859.904
228	- Nguyên giá		3.446.873.400	3.446.873.400
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.865.339.764)	(1.799.013.496)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		47.138.658.460	47.142.138.610
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	V.11	47.138.658.460	47.142.138.610
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-	-
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.2b	35.878.732.381	41.242.994.643
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		51.229.100.000	51.229.100.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)		(15.350.367.619)	(9.986.105.357)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		583.131.026	679.218.062
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.8b	466.484.366	679.218.062
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.12	116.646.660	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		280.981.209.880	258.123.444.144

Công ty TNHH MTV Công ích Quận 1

Địa chỉ: Số 28-30 Nguyễn Thái Bình, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	A- NỢ PHẢI TRẢ		134.971.138.888	112.113.373.152
310	I. Nợ ngắn hạn		104.561.763.063	81.503.997.327
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	8.086.056.691	7.508.722.366
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.14	283.109.760	278.085.831
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	44.428.119.255	23.139.944.005
314	4. Phải trả người lao động	V.16	40.893.212.073	45.417.098.619
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	163.956.956	287.750.905
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.18a	5.032.202.055	4.225.879.122
321	7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	V.19	2.940.768.237	-
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.20	2.734.338.036	646.516.479
330	II. Nợ dài hạn		30.409.375.825	30.609.375.825
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.18b	28.369.375.825	28.519.375.825
343	2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	V.21	2.040.000.000	2.090.000.000
400	B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		146.010.070.992	146.010.070.992
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.22	141.834.182.005	141.834.182.005
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		141.834.182.005	141.834.182.005
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		141.834.182.005	141.834.182.005
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
421	2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		-	-
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		-	-
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		-	-
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		4.175.888.987	4.175.888.987
432	1. Nguồn kinh phí	V.23	4.175.888.987	4.175.888.987
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		280.981.209.880	258.123.444.144

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

TRẦN MỘNG THƠ

TRƯƠNG NGỌC KIM NGA



NGUYỄN VĂN TRUNG

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	177.135.387.666	158.934.727.729
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		177.135.387.666	158.934.727.729
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	137.408.506.775	126.935.998.116
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		39.726.880.891	31.998.729.613
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	2.099.192.300	3.181.557.613
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	5.364.262.262	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng		-	-
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.5	24.720.138.235	24.347.471.034
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		11.741.672.694	10.832.816.192
31	11. Thu nhập khác	VI.6	1.181.000.000	252.712.000
32	12. Chi phí khác	VI.7	474.073.444	176.559.014
40	13. Lợi nhuận khác		706.926.556	76.152.986
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		12.448.599.250	10.908.969.178
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.8	2.869.146.558	2.365.043.694
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	VI.9	(116.646.660)	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		9.696.099.352	8.543.925.484

Người lập biểu

TRẦN MỘNG THƠ

Kế toán trưởng

TRƯƠNG NGỌC KIM NGÀ

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2025

Giám đốc



NGUYỄN VĂN TRUNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

ĐVT: VND

Mã số		Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		225.711.889.210	159.943.195.150
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa, dịch vụ		(48.141.391.647)	(43.755.482.711)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(90.840.617.170)	(77.755.105.280)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		-	-
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.16	(849.043.092)	(3.932.768.477)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		12.551.518.863	10.530.535.095
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(62.088.175.435)	(83.212.599.757)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		36.344.180.729	(38.182.225.980)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ, XD TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	V.2	(7.500.000.000)	(8.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	V.2	-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	V.5-VI.3	1.875.287.447	3.420.707.508
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(5.624.712.553)	(4.579.292.492)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)		30.719.468.176	(42.761.518.472)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		56.854.153.221	99.615.671.693
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	V.1	87.573.621.397	56.854.153.221

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2025

Giám đốc

TRẦN MỘNG THƠ

TRƯƠNG NGỌC KIM NGÀ

NGUYỄN VĂN TRUNG



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Công ty TNHH MTV Công ích quận 1 (sau đây gọi tắt là "Công ty").

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích quận 1 là Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, 100% vốn nhà nước.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của công ty là hoạt động công ích và hoạt động xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động công ích

- Quét dọn, thu gom, và vận chuyển các loại rác đô thị trên địa bàn theo phân cấp;
- Tổ chức quản lý mạng lưới nhà vệ sinh công cộng;
- Quản lý, duy tu, bảo dưỡng hệ thống thoát nước, công trình giao thông theo chỉ tiêu giao và phân cấp quản lý của thành phố;
- Quản lý bảo dưỡng nâng cấp nhà thuộc sở hữu Nhà nước phân cấp giao quận quản lý;
- Tổ chức ký hợp đồng cho thuê và thu tiền thuê theo quy định của Nhà nước;
- Đầu tư khai thác và phát triển quỹ nhà thuộc sở hữu Nhà nước.

Hoạt động kinh doanh khác:

- Tổ chức dịch vụ vệ sinh công cộng trong địa bàn dân cư;
- Thi công vườn hoa, cây kiểng;
- San lấp mặt bằng và sửa chữa phương tiện chuyên dụng theo hợp đồng kinh tế;

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay tăng 11,45% so với năm trước, đồng thời giá vốn hàng bán tăng 8,25% dẫn đến lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng 24,15% so với năm trước.
- Trong năm Công ty trích lập dự phòng khoản đầu tư vào Công ty CP Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn với số tiền 5.364.262.262 VND (năm trước với số tiền 0 VND).

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có 534 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 551 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 200/2014/TT-BTC và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán Công ty của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính năm được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các thông tư sửa đổi, bổ sung Thông tư 200/2014/TT-BTC, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: tiền mặt, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được (trừ công ty nhà nước thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật).

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi khi:

- Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên;
- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn;
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường, chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chi được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 40 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 08 năm
Phương tiện vận tải	06 - 15 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao như sau:

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (50 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm quản lý

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Vay và nợ thuê tài chính phản ánh các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính và tình hình thanh toán các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính;
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Quỹ lương

Quỹ tiền lương thực hiện của người lao động và viên chức quản lý công ty năm 2024 được xây dựng:

- Quỹ tiền lương của người lao động: Công ty căn cứ theo quy định Thông tư 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 và thông tư 06/2024/TT - BLĐTBXH ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc tại Công ty TNHH MTV do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

- Quỹ tiền lương viên chức quản lý: Công ty căn cứ theo quy định Thông tư 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 và thông tư 06/2024/TT - BLĐTBXH ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý Công ty TNHH MTV do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

Quỹ tiền lương kế hoạch năm 2024 đã được chủ sở hữu phê duyệt và Chủ sở hữu đã phê duyệt Quỹ tiền lương thực hiện của Công ty đến năm 2023.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của chủ sở hữu.

Phân phối lợi nhuận

Công ty phân phối lợi nhuận theo Thông tư số 16/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 3 năm 2023, Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện một số điều Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và văn bản sửa đổi, bổ sung.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ công ích và dịch vụ rác thải sinh hoạt, doanh thu cho thuê mặt bằng

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động công ích về dịch vụ quét dọn, thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt được ghi nhận trên cơ sở tạm tính.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.

- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

14. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, giá thành sản xuất của thành phẩm đã bán, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc giảm giá vốn hàng bán.

15. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

18. Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính năm của Công ty.

20. Số liệu so sánh

Số dư đầu năm của một số chỉ tiêu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được trình bày lại do Công ty điều chỉnh lại các chỉ tiêu khi được phê duyệt quỹ lương thực hiện năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022 theo Thông báo số 157/TB-UBND ngày 29/4/2024 v/v Quỹ tiền lương năm 2018, Thông báo số 223/TB-UBND ngày 11/6/2024 v/v Quỹ tiền lương năm 2019, Thông báo số 478/TB-UBND ngày 19/11/2024 v/v Quỹ tiền lương năm 2020, Thông báo số 479/TB-UBND ngày 19/11/2024 v/v Quỹ tiền lương năm 2021 và Thông báo số 537/TB-UBND ngày 26/12/2024 v/v Quỹ tiền lương năm 2022 của Ủy ban nhân dân Tp.HCM. Chi tiết như sau:

Mã Số	Chỉ tiêu	Số liệu trước điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh	Chênh lệch
	1	2	3	4=3-2
Tài sản		2.083.277.972	2.032.785.589	(50.492.383)
153	Thuế và các khoản phải thu nhà nước	2.083.277.972	2.032.785.589	(50.492.383)
Nguồn vốn		46.114.107.481	46.063.615.098	(50.492.383)
314	Phải trả người lao động	46.141.624.086	45.417.098.619	(724.525.467)
322	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(27.516.605)	646.516.479	674.033.084
Cộng		-	-	-

V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

STT	Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
1.1	Tiền mặt	566.407.487	673.353.678
1.2	Tiền gửi ngân hàng	17.707.213.910	10.880.799.543
1.3	Các khoản tương đương tiền	69.300.000.000	45.300.000.000
	- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	69.300.000.000	45.300.000.000
	Cộng	87.573.621.397	56.854.153.221

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty có cầm cố Hợp đồng tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Bình với số tiền 16.300.000.000 VND để bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm: đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	20.500.000.000	20.500.000.000	13.000.000.000	13.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn có kỳ hạn 06 tháng	20.500.000.000	20.500.000.000	13.000.000.000	13.000.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Bến Thành	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN - CN Sở Giao Dịch 2 - Phòng giao dịch Nguyễn Du	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tân Bình	12.500.000.000	12.500.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	20.500.000.000	20.500.000.000	13.000.000.000	13.000.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, không có các khoản tiền gửi ngân hàng bị phong tỏa, cầm cố, bảo lãnh.

2b Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chỉ tiêu	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng (*)	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác	51.229.100.000	35.878.732.381	(15.350.367.619)	51.229.100.000	41.242.994.643	(9.986.105.357)
Công ty Cổ phần DV Bưu chính Viễn thông Sài Gòn (*)	51.229.100.000	35.878.732.381	(15.350.367.619)	51.229.100.000	41.242.994.643	(9.986.105.357)
Cộng	51.229.100.000	35.878.732.381	(15.350.367.619)	51.229.100.000	41.242.994.643	(9.986.105.357)

Là khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn, với số lượng 11.053.663 cổ phần, tương đương với tỷ lệ 9,18%. Căn cứ Quyết định số 40/QĐ-QLN ngày 31 tháng 08 năm 2007 quyết định cử người đại diện vốn góp của Công ty Quản lý nhà quận 1 xác định số tiền góp vốn là: 51.229.100.000 VND.

Tài sản góp vốn là căn nhà số 10, đường Cô Giang, phường Cầu Ông Lãnh, quận 1 (nhà phố 3 lầu, 2 lửng và sân thượng). Diện tích:

- Khuôn viên : 1.163,65 m²
- Sử dụng : 2.943,08 m²
- Xây dựng : 3.270,69 m²

(*) Khoản trích lập dự phòng này được thực hiện dựa trên số liệu Báo cáo tài chính tự lập của Công ty CP Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Theo đó, chỉ tiêu số 410 – Vốn chủ sở hữu của Công ty CP Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 với số tiền 1.507.999.644.810 VND, dự phòng cần trích lập ước tính vào khoản đầu tư nêu trên với số tiền 18.415.759.802 VND. Đến ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đã trích lập dự phòng với số tiền 15.350.367.619 VND, số còn lại chưa trích lập là 3.065.392.183 VND.

Khoản đầu tư này không xác định được giá trị hợp lý do không có giá giao dịch và Chuẩn mực kế toán Việt Nam chưa có hướng dẫn về xác định giá trị hợp lý. Do đó, Công ty xác định giá trị hợp lý bằng giá gốc khoản đầu tư trừ đi dự phòng.

Trong năm, Công ty không phát sinh giao dịch với Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn.

Các khoản đầu tư vào đơn vị khác không sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(9.986.105.357)	(9.986.105.357)
Trích lập dự phòng	(5.364.262.262)	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	(15.350.367.619)	(9.986.105.357)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự Phòng
Phải thu các khách hàng khác	58.105.082.392	(258.853.999)	68.245.634.885	(815.620.132)
Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng Quận 1	44.664.373.527	-	56.667.464.704	-
Trung tâm Quản lý hạ tầng kỹ thuật TP. Hồ Chí Minh	1.768.453.247	-	1.310.784.174	-
Công ty TNHH Xây dựng Hợp Phát	1.314.773.423	-	-	-
Phải thu khách hàng cho thuê nhà thuộc SHNN (*)	2.364.012.328	-	2.364.012.328	-
Các khách hàng khác	7.993.469.867	(258.853.999)	7.972.270.670	(815.620.132)
Cộng	58.105.082.392	(258.853.999)	68.314.531.876	(815.620.132)

(*) Là khoản thu hộ chi hộ nhà nước đối với các khách hàng cho thuê nhà thuộc sở hữu nhà nước, Công ty sẽ nộp toàn bộ số tiền vào ngân sách nhà nước khi thực tế thu được tiền.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các khoản phải thu ngắn hạn khách hàng được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự Phòng
Trả trước cho các nhà cung cấp khác	1.523.176.065	-	812.473.507	-
Hộ kinh doanh Cơ Sở Kim Sơn	624.000.000	-	301.000.000	-
Công ty TNHH TM XD Điện Trường Thịnh	241.516.350	-	241.516.350	-
Công ty TNHH XD TM DV Phúc Bình	171.168.076	-	171.168.076	-
Công trình kinh doanh đội thoát nước - Công ty TNHH TM DV XD Thanh Tiến Granite	350.044.368	-	-	-
Ứng trước cho các công trình kinh doanh đội thoát nước khác	80.308.633	-	98.789.081	-
Các nhà cung cấp khác	56.138.638	-	-	-
Cộng	1.523.176.065	-	812.473.507	-

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự Phòng
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	972.123.217	(93.635.193)	897.267.510	(95.635.193)
Ký cược, ký quỹ	-	-	176.649.576	-
Bảo hiểm xã hội	33.080.051	-	71.108.502	-
Phạm Hồng Hải (Thu hồi tiền phạt thuế đội thi công 1)	93.635.193	(93.635.193)	95.635.193	(95.635.193)
Tạm ứng	263.906.928	-	191.031.956	-
Nguyễn Minh Hải	140.906.500	-	-	-
Huỳnh Lê Phi Yến	84.000.000	-	-	-
Các nhân viên khác	39.000.428	-	191.031.956	-
Dự thu tiền lãi ngân hàng	520.362.194	-	296.457.341	-
Phải thu khác	61.138.851	-	66.384.942	-
Cộng	972.123.217	(93.635.193)	897.267.510	(95.635.193)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các khoản phải thu ngắn hạn khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản phải thu ký quỹ.

6. Nợ xấu

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi (*)
Các tổ chức và cá nhân khác	352.489.192	-	911.255.325	-
Quá hạn trên 03 năm	352.489.192	-	911.255.325	-
Công ty CP Hạ tầng Đông Sơn	-	-	556.766.133	-
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	36.761.823	-	36.761.823	-
Phạm Hồng Hải	93.635.193	-	95.635.193	-
Công ty TNHH MTV Chiếu sáng Công cộng Tp.HCM	222.092.176	-	222.092.176	-
Cộng	352.489.192	-	911.255.325	-

(*) Giá trị có thể thu hồi bằng giá gốc trừ số nợ phải thu đã lập dự phòng.

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích quận 1

Địa chỉ: Số 28-30 Nguyễn Thái Bình, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(911.255.325)	(753.225.485)
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(167.029.840)
Hoàn nhập dự phòng	558.766.133	9.000.000
Số cuối năm	(352.489.192)	(911.255.325)

7. Hàng tồn kho

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	674.618.098	-	504.306.053	-
Công cụ, dụng cụ	19.490.595	-	4.858.122	-
Chi phí SXKD dở dang	199.749.034	-	305.215.468	-
Thành phẩm	62.539.398	(62.539.398)	81.386.997	(81.386.997)
Hàng hóa	2.011.414.000	-	2.011.414.000	-
Cộng	2.967.811.125	(62.539.398)	2.907.180.640	(81.386.997)

Trong đó:.

– Công ty không có hàng tồn kho được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(81.386.997)	-
Trích lập dự phòng	-	(81.386.997)
Hoàn nhập dự phòng	18.847.599	-
Số cuối năm	(62.539.398)	(81.386.997)

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa phụ tùng thay thế	1.454.098.066	1.948.333.421
Công cụ dụng cụ đang sử dụng	-	1.183.561
Cộng	1.454.098.066	1.949.516.982

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích quận 1

Địa chỉ: Số 28-30 Nguyễn Thái Bình, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn như sau:

<i>Chi tiết</i>	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.949.516.982	1.644.606.417
Tăng trong năm	3.261.054.006	3.510.538.470
Phân bổ trong năm	(3.756.472.922)	(3.205.627.905)
Số cuối năm	1.454.098.066	1.949.516.982

8b. Chi phí trả trước dài hạn

<i>Chi tiết</i>	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí sửa chữa và thay thế phụ tùng xe	266.663.100	36.175.000
Sửa chữa văn phòng	56.303.684	395.793.984
Chi phí sửa chữa công trình khác	143.517.582	247.249.078
Cộng	466.484.366	679.218.062

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn như sau:

<i>Chi tiết</i>	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	679.218.062	717.713.581
Tăng trong năm	385.286.030	449.375.652
Phân bổ trong năm	(598.019.726)	(487.871.171)
Số cuối năm	466.484.366	679.218.062

9. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
I. Nguyên giá					
1. Số đầu năm	33.556.240.448	519.939.899	63.993.388.311	1.244.219.084	99.313.787.742
2. Tăng trong năm	-	-	6.425.978.704	-	6.425.978.704
- Mua sắm trong năm	-	-	6.425.978.704	-	6.425.978.704
3. Giảm trong năm	-	-	(7.317.894.520)	-	(7.317.894.520)
- Thanh lý trong năm	-	-	(7.317.894.520)	-	(7.317.894.520)
4. Số cuối năm	33.556.240.448	519.939.899	63.101.472.495	1.244.219.084	98.421.871.926
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	16.249.390.775	519.939.899	22.248.275.275	942.808.833	39.960.414.782
II. Giá trị hao mòn					
1. Số đầu năm	27.310.858.773	519.939.899	48.787.011.697	1.127.570.402	77.745.380.771
2. Tăng trong năm	884.360.718	-	4.009.599.339	49.713.864	4.943.673.921
- Khấu hao trong năm	884.360.718	-	4.009.599.339	49.713.864	4.943.673.921
3. Giảm trong năm	-	-	(7.317.894.520)	-	(7.317.894.520)
- Thanh lý trong năm	-	-	(7.317.894.520)	-	(7.317.894.520)
4. Số cuối năm	28.195.219.491	519.939.899	45.478.716.516	1.177.284.266	75.371.160.172
III. Giá trị còn lại					
1. Tại ngày đầu năm	6.245.381.675	-	15.206.376.614	116.648.682	21.568.406.971
2. Tại ngày cuối năm	5.361.020.957	-	17.622.755.979	66.934.818	23.050.711.754
Trong đó:					
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

Trong đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

- Công ty không có giá trị tài sản cố định hữu hình được sử dụng để cầm cố, thế chấp, đảm bảo cho các khoản vay và nợ.
- Công ty không có cam kết mua bán tài sản cố định vô hình có giá trị lớn trong tương lai.

10. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
I. Nguyên giá			
1. Số đầu năm	3.316.313.400	130.560.000	3.446.873.400
2. Tăng trong năm	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số cuối năm	3.316.313.400	130.560.000	3.446.873.400
Trong đó:			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	130.560.000	130.560.000
II. Giá trị hao mòn			
1. Số đầu năm	1.668.453.496	130.560.000	1.799.013.496
2. Tăng trong năm	66.326.268	-	66.326.268
Khấu hao trong năm	66.326.268	-	66.326.268
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số cuối năm	1.734.779.764	130.560.000	1.865.339.764
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	1.647.859.904	-	1.647.859.904
2. Tại ngày cuối năm	1.581.533.636	-	1.581.533.636
Trong đó:			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Trong đó, tại ngày 31 tháng 12 năm 2024:

- Công ty không có tài sản dùng để đảm bảo khoản vay.
- Công ty không có cam kết mua bán tài sản cố định vô hình có giá trị lớn trong tương lai.

11. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Khu dân cư Bình Trưng Đông, Cát Lái, quận 2 (*)	47.138.658.460	47.138.658.460	47.138.658.460	47.138.658.460
Dự án nhà tái định cư 7/4A Kha Vạn Cân, P. Linh Đông, Tp. Thủ Đức	-	-	3.480.150	3.480.150
Cộng	47.138.658.460	47.138.658.460	47.142.138.610	47.142.138.610

(*) Là chi phí sản xuất kinh doanh dở dang của dự án Khu nhà ở lô số 14 – Khu dân cư Bình Trưng Đông, Cát Lái, quận 2. Hiện nay, dự án vẫn chưa được UBND thành phố bố trí chủ đầu tư hạ tầng chính nên công ty đang gặp khó khăn trong công tác bồi thường giải phóng mặt bằng (xem thuyết minh mục V.18b).

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Chi tiết	Số đầu năm	Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong năm	Số cuối năm
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	116.646.660	116.646.660
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ từ việc trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc	-	116.646.660	116.646.660
Cộng	-	116.646.660	116.646.660

13. Phải trả người bán ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả nhà cung cấp khác	8.086.056.691	7.508.722.366
Phải trả người bán về sửa chữa nhà	2.010.902.000	2.010.902.000
Phải trả người bán đội thoát nước	4.187.209.515	3.813.602.781
Công ty Công trình Giao thông Công chánh Quận 1	725.711.670	725.711.670
Các nhà cung cấp khác	1.162.233.506	958.505.915
Cộng	8.086.056.691	7.508.722.366

Công ty không có nợ quá hạn cần thanh toán.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Người mua trả tiền trước là các khách hàng khác	283.109.760	278.085.830
Công ty CP Truyền thông Vinama	88.452.000	-
Các khách hàng khác	194.657.760	278.085.831
Cộng	283.109.760	278.085.830

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng hàng bán nội địa	-	1.822.520.818	13.531.459.203	(12.399.320.007)	-	2.954.660.014
Thuế thu nhập doanh nghiệp	849.173.054	-	2.869.146.558	(849.043.092)	-	1.170.930.412
Thuế thu nhập cá nhân	1.183.612.535	-	1.440.447.742	(203.184.441)	-	53.650.766
Tiền thuê đất	-	-	16.472.902.863	(16.472.902.863)	-	-
Tiền thuế đất	-	-	353.456.236	(353.456.236)	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	18.969.332.473	18.931.454.876	-	-	37.900.787.349
Phải nộp về quản lý nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	-	2.348.090.714	356.196.143	(356.196.143)	-	2.348.090.714
Các loại thuế khác	-	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Cộng	2.032.785.589	23.139.944.005	53.958.063.621	(30.637.102.782)	-	44.428.119.255

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 5%, 8%, 10%.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

16. Phải trả người lao động

Chi tiết

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	40.893.212.073	45.417.098.619
Cộng	40.893.212.073	45.417.098.619

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí phải trả các tổ chức và cá nhân khác	163.956.956	287.750.905
Chi phí kiểm toán	88.000.000	88.000.000
Chi phí phải trả khác	75.956.956	199.750.905
Cộng	163.956.956	287.750.905

18. Phải trả khác

18a Phải trả ngắn hạn khác

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	5.032.202.055	4.225.879.122
Tài sản thừa chờ giải quyết	11.940.896	11.940.896
Kinh phí công đoàn	60.187.553	50.263.288
Bảo hiểm y tế	88.530.388	68.117.588
Phí duy tu nhà trả góp	1.634.771.032	1.486.269.556
Tiền nhà SHNN theo QĐ 3346	1.792.223.458	1.483.864.292
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.444.548.728	1.125.423.502
Cộng	5.032.202.055	4.225.879.122

18b Phải trả dài hạn khác

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	28.369.375.825	28.519.375.825
Nhận vốn góp liên doanh (*)	28.051.425.825	28.051.425.825
Nhận ký quỹ, ký cược	317.950.000	467.950.000
Cộng	28.369.375.825	28.519.375.825

(*) Chi tiết các khoản nhận vốn góp liên doanh:

Là khoản nhận góp vốn liên doanh của các đối tác để thực hiện dự án nhà ở tại lô số 14 Khu dân cư Bình Trưng Đông, Cát Lái, Quận 2 (xem thuyết minh mục V.11).

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Sản xuất TM Êm Đềm ⁽¹⁾	18.672.553.932	18.672.553.932
Công ty Cp Đầu tư XD KD Nhà Bến Thành ⁽²⁾	9.378.871.893	9.378.871.893
Cộng	28.051.425.825	28.051.425.825

(1) Là khoản nhận vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 181/HĐ-QLN ngày 16 tháng 10 năm 2009 về việc thực hiện dự án nhà ở tại lô số 14 Khu dân cư Bình Trưng Đông, Cát Lái, Quận 2 và Phụ lục hợp đồng 01 số 10/PLHĐ ngày 03 tháng 11 năm 2016. Tỷ lệ góp vốn của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Êm Đêm là 40%. Lãi (lỗ) từ hoạt động kinh doanh các sản phẩm của dự án sau khi trừ tất cả các khoản chi phí hợp lý và thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước sẽ được phân chia cho các bên theo tỷ lệ góp vốn.

(2) Là khoản nhận vốn theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 09/HĐ.KDN ngày 04 tháng 06 năm 2009 về việc thực hiện dự án nhà ở tại lô số 14 Khu dân cư Bình Trưng Đông, Cát Lái, Quận 2. Tỷ lệ góp vốn của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Kinh doanh Nhà Bến Thành là 20%. Lãi (lỗ) từ hoạt động kinh doanh các sản phẩm của dự án sau khi trừ tất cả các khoản chi phí hợp lý và thực hiện nghĩa vụ thuế với Nhà nước sẽ được phân chia cho các bên theo tỷ lệ góp vốn.

18c Phải trả khác quá hạn

Ngoài khoản góp vốn liên doanh, Công ty không phát sinh phải trả khác quá hạn.

19. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Chi tiết	Số đầu năm	Tăng do trích lập trong năm	Số sử dụng trong năm	Số hoàn nhập trong năm	Số cuối năm
Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	616.648.500	-	(33.415.200)	583.233.300
Trích dự phòng dự án Khu nhà ở tái định cư cho các hộ dân địa điểm 7/4A Kha Vạn Cân, phường Linh Đông, Tp.Thủ Đức(*)	-	2.357.534.937	-	-	2.357.534.937
Cộng	-	2.974.183.437	-	(33.415.200)	2.940.768.237

(*) Là khoản trích dự phòng dự án Khu nhà ở tái định cư cho các hộ dân địa điểm 7/4A Kha Vạn Cân, phường Linh Đông, Tp.Thủ Đức, Tp.HCM theo Nghị quyết số 65/NQ-HĐTV ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng thành viên theo nội dung tờ trình số 130/TTr-DVCIQ1 ngày 19 tháng 12 năm 2024 của Giám đốc. Theo đó, Công ty là chủ đầu tư dự án Khu nhà ở tái định cư cho các hộ dân địa điểm 7/4A Kha Vạn Cân, phường Linh Đông, Tp.Thủ Đức và đã thực hiện hoàn thành và đưa dự án vào sử dụng từ năm 2011 nhưng đến nay dự án chưa được phê duyệt quyết toán. Công ty trích lập dự phòng bằng số chênh lệch giữa Chi phí thực hiện dự án với số tiền 12.569.407.372 VND (chưa bao gồm VAT) và giá trị quyết toán dự kiến được phê duyệt với số tiền 10.211.872.435 VND.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Chi tiết	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Tăng khác (*)	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(368.323.290)	9.403.311.034	25.000.000	(7.470.050.522)	1.589.937.222
Quỹ thưởng BĐH	1.014.839.769	292.788.318	-	(163.227.273)	1.144.400.814
Cộng	646.516.479	9.696.099.352	25.000.000	(7.633.277.795)	2.734.338.036

(*) Tăng do UBND Quận 1 khen thưởng, ủng hộ.

21. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Chi tiết	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ đã hình thành tài sản cố định	Cộng
Số đầu năm	2.090.000.000	-	2.090.000.000
Trích lập quỹ	400.000.000	-	400.000.000
Chi trong năm	-	-	-
Hoàn nhập quỹ	(450.000.000)	-	(450.000.000)
Số cuối năm	2.040.000.000	-	2.040.000.000

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3
Số dư đầu năm trước	141.834.182.005	-	141.834.182.005
Tăng trong năm trước	-	8.543.925.484	8.543.925.484
Giảm trong năm trước	-	(8.543.925.484)	(8.543.925.484)
Số dư cuối năm trước/Đầu năm nay	141.834.182.005	-	141.834.182.005
Tăng trong năm	-	9.696.099.352	9.696.099.352
Giảm trong năm	-	(9.696.099.352)	(9.696.099.352)
Số dư cuối năm	141.834.182.005	-	141.834.182.005

22b. Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu

Chi tiết	Tỷ lệ	Số cuối năm	Số đầu năm
Ủy ban nhân dân Quận 1	100%	141.834.182.005	141.834.182.005
Cộng	100%	141.834.182.005	141.834.182.005

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

Chi tiết	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Ủy ban nhân dân Quận 1	141.834.182.005	100%	141.834.182.005	-
Cộng	141.834.182.005	100%	141.834.182.005	-

22c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	141.834.182.005	141.834.182.005
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	141.834.182.005	141.834.182.005
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

22d. Phân phối lợi nhuận

Số dư đầu năm		-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		9.696.099.352
Phân phối trong năm:		(9.696.099.352)
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(9.403.311.034)	
- Quỹ thưởng Ban Điều hành	(292.788.318)	
Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm		-

Công ty tạm phân phối lợi nhuận theo quy định tại Điều 31 của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính Phủ về Đầu tư vốn Nhà nước vào Doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Thông tư số 36/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 5 năm 2021, Thông tư số 16/2023/TT-BTC ngày 17 tháng 3 năm 2023 và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

23. Nguồn kinh phí

Nguồn kinh phí quản lý, duy tu, phí bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước.

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.175.888.987	4.175.888.987
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	4.175.888.987	4.175.888.987

24. Tài sản nhận giữ hộ

Là các tài sản giữ hộ các nhà cho thuê SHNN theo QĐ 3346 và QĐ 22.

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Nhà quyết định 3346	5.824.692.585	5.824.692.585
Nhà quyết định 22	623.494.725	623.494.725
Số cuối năm	6.448.187.310	6.448.187.310

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VND)

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a Tổng doanh thu

<i>Chi tiết</i>	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hoạt động công ích	118.528.419.304	107.796.758.856
Doanh thu hoạt động kinh doanh khác	58.606.968.362	51.137.968.873
Cộng	177.135.387.666	158.934.727.729

1b Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Trong năm, Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan.

2. Giá vốn hàng bán

<i>Chi tiết</i>	Năm nay	Năm trước
Giá vốn hoạt động công ích	102.631.357.351	97.732.187.539
Giá vốn hoạt động kinh doanh khác	34.777.149.424	29.203.810.577
Cộng	137.408.506.775	126.935.998.116

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Là khoản tiền lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

4. Chi phí tài chính

Là chi phí dự phòng khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Xem thuyết minh số V.2).

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	12.250.386.163	11.642.357.769
Chi phí vật liệu, bao bì	82.743.664	143.983.837
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	310.147.388	364.286.701
Chi phí khấu hao TSCĐ	165.931.220	319.271.220
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Chi phí dự phòng	-	167.029.840
Hoàn nhập dự phòng	(558.766.133)	(9.000.000)
Chi phí mua ngoài	3.681.952.362	3.689.807.249
Chi phí khác bằng tiền	8.784.743.571	8.026.734.418
Cộng	24.720.138.235	24.347.471.034

6. Thu nhập khác

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Hoàn nhập quỹ khoa học công nghệ	450.000.000	252.712.000
Thu nhập từ thanh lý TSCĐ	731.000.000	-
Cộng	1.181.000.000	252.712.000

7. Chi phí khác

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Nộp tiền thu từ hoạt động cho thuê nhà, ngân sách nhà nước năm 2022 (*)	356.196.143	-
Chi phí chậm nộp thuế	117.877.301	162.323.691
Chi phí khác	-	14.235.323
Cộng	474.073.444	176.559.014

8. Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tạm tính như sau:

<i>Chi tiết</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	12.448.599.250	10.908.969.179
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng</i>	<i>1.897.133.542</i>	<i>916.249.292</i>
Chi phí không được trừ	1.897.133.542	916.249.292
<i>Các khoản điều chỉnh giảm</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Thu nhập chịu thuế	14.345.732.792	11.825.218.471
Chuyển lỗ và bù trừ lãi/lỗ	-	-
Thu nhập tính thuế	14.345.732.792	11.825.218.471
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.869.146.558	2.365.043.694

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế, do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

<i>Chi tiết</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(116.646.660)	-
Cộng	(116.646.660)	-

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

<i>Chi tiết</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	15.762.642.944	18.041.118.818
Chi phí nhân công	105.457.362.616	92.634.934.347
Chi phí khấu hao TSCĐ	5.010.000.189	5.247.437.204
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.861.290.453	16.849.281.156
Chi phí khác bằng tiền	17.434.554.238	18.402.477.449
Cộng	162.525.850.440	151.175.248.974

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VND)

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Công ty không phát sinh các giao dịch không bằng tiền

2. Các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Công ty không phát sinh các khoản tiền và tương đương tiền Công ty đang nắm giữ nhưng không được sử dụng.

3. Thu tiền từ đi vay

Trong năm, Công ty không phát sinh tiền thu từ đi vay.

4. Tiền trả nợ gốc vay

Trong năm, Công ty không phát sinh tiền trả nợ gốc vay.

VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC (ĐVT: VND)

1. Tài sản tiềm tàng

Công ty không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

2. Nợ tiềm tàng

Công ty không có nợ tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

3. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có tài sản cho thuê hoạt động.

4. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

4a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng thành viên, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành.

Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Cam kết bảo lãnh

Công ty không dùng tài sản cố định, hàng tồn kho, để bảo đảm cho khoản vay của các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Ngoài ra, không có các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt sử dụng tài sản thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt (*)

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
Tiền lương, phụ cấp	3.513.459.817	3.416.587.923
Tiền thưởng	234.213.273	205.921.227
Cộng	3.747.673.090	3.622.509.150

(*) Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng thành viên, Kiểm soát viên, Ban Điều hành.

Chi tiết theo đối tượng thu nhập của thành viên chủ chốt :

Chi tiết	Chức vụ	Lương, phụ cấp	Thưởng	Cộng
Năm nay				
Hội đồng thành viên		929.486.724	62.832.000	992.318.724
Hà Tôn Tuấn Hiệp	Chủ tịch	501.922.831	33.045.000	534.967.831
Nguyễn Thị Thúy Mai	Thành viên	427.563.893	29.787.000	457.350.893
Kiểm soát viên		427.563.893	28.787.000	456.350.893
Ngô Phước Hưng	Kiểm soát viên	427.563.893	28.787.000	456.350.893
Ban Điều hành		2.156.409.200	142.594.273	2.299.003.473
Nguyễn Văn Trung	Giám đốc	483.333.097	32.145.000	515.478.097
Trần Mạnh Cường	Phó Giám đốc	427.563.893	29.445.000	457.008.893
Nguyễn Thế Nhân	Phó Giám đốc	427.563.893	29.445.000	457.008.893
Nguyễn Võ Phương Quỳnh	Phó Giám đốc	427.563.893	30.445.000	458.008.893
Trương Ngọc Kim Nga	Kế toán trưởng	390.384.424	21.114.273	411.498.697
Cộng		3.513.459.817	234.213.273	3.747.673.090

Chi tiết	Chức vụ	Lương, phụ cấp	Thưởng	Cộng
Năm trước				
Hội đồng thành viên		903.859.239	57.777.182	961.636.421
Hà Tôn Tuấn Hiệp	Chủ tịch	488.083.989	32.390.000	520.473.989
Nguyễn Thị Thúy Mai	Thành viên	415.775.250	25.387.182	441.162.432
Kiểm soát viên		415.775.250	28.394.000	444.169.250
Ngô Phước Hưng	Kiểm soát viên	415.775.250	28.394.000	444.169.250
Ban Điều hành		2.096.953.434	119.750.045	2.216.703.479
Nguyễn Văn Trung	Giám đốc	470.006.804	31.490.000	501.496.804
Trần Mạnh Cường	Phó Giám đốc	415.775.250	28.990.000	444.765.250
Nguyễn Thế Nhân	Phó Giám đốc	415.775.250	28.194.000	443.969.250
Nguyễn Võ Phương Quỳnh	Phó Giám đốc	415.775.250	19.632.045	435.407.295
Trương Ngọc Kim Nga	Kế toán trưởng	379.620.880	11.444.000	391.064.880
Cộng		3.416.587.923	205.921.227	3.622.509.150

4b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty theo quy định bao gồm:

- Các công ty liên kết, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát,
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ,
- Các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Ủy ban nhân dân quận 1	Cổ đông vốn Nhà nước (100%).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Công ty không phát sinh giao dịch nào khác ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ với các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b.

Cam kết bảo lãnh

Công ty không dùng tài sản cố định, hàng tồn kho, để bảo đảm cho khoản vay của các bên liên quan khác.

Ngoài ra, không có các bên liên quan khác sử dụng tài sản thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Công ty.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

5. Báo cáo theo bộ phận

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

5a Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Chi tiết	Hoạt động công ích	Hoạt động kinh doanh khác	Cộng
Năm nay			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	118.528.419.304	58.606.968.362	177.135.387.666
Giá vốn hàng bán	102.631.357.351	34.777.149.424	137.408.506.775
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	15.897.061.953	23.829.818.938	39.726.880.891
Năm trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	107.796.758.856	51.137.968.873	158.934.727.729
Giá vốn hàng bán	97.732.187.539	29.203.810.577	126.935.998.116
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10.064.571.317	21.934.158.296	31.998.729.613

5b Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong năm, hoạt động của Công ty toàn bộ thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

6. Tài sản đảm bảo

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Công ty cầm cố Hợp đồng tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Tân Bình để bảo lãnh thực hiện hợp đồng (xem thuyết minh số V.1). Giá trị sổ sách của tài sản cầm cố tại ngày kết thúc năm tài chính là 16.300.000.000 VND.

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích quận 1

Địa chỉ: Số 28-30 Nguyễn Thái Bình, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

7. Khả năng hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

8. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Theo ý kiến của Ban Điều hành, Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2025.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

TRẦN MỘNG THƠ

TRƯƠNG NGỌC KIM NGÀ



NGUYỄN VĂN TRUNG



Ngày tháng năm 2025
Số:/24/CV/AUD-VVALUES

CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 1

Địa chỉ: Số 28-30 Nguyễn Thái Bình, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. HCM.

VietValues Lưu	Ykienduthao23 – lần 1
-------------------	-----------------------

Người liên hệ	Ông Huỳnh Trúc Lâm Bà Chu Thị Huệ
------------------	--------------------------------------

Kính gửi: Ban Giám đốc,

V/v: Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn **VIETVALUES** xin chân thành cảm ơn Quý vị đã tín nhiệm và yêu cầu chúng tôi cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Liên quan đến vấn đề này, chúng tôi xin gửi đến Quý vị bản dự thảo lần 2 Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

Để sớm hoàn tất Báo cáo kiểm toán, xin Quý vị ghi ý kiến góp ý và gửi cho chúng tôi trước ngày 24 tháng 01 năm 2025.

Nếu quá thời hạn nêu trên, chúng tôi sẽ phát hành báo cáo chính thức theo như bản dự thảo mà chúng tôi đã chuyển đến Quý vị.

Trân trọng cảm ơn,

Ths.HUỲNH TRÚC LÂM
Phó Tổng Giám Đốc **VIETVALUES**
Chữ ký được ủy quyền

Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

PHÂN GHI Ý KIẾN GÓP Ý CỦA CÔNG TY TNHH MTV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 1
(Dự thảo Báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024)

GỬI CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN & TƯ VẤN CHUẨN VIỆT - **VIETVALUES***

1. Đồng ý với bản dự thảo Báo cáo kiểm toán ☒
2. Đồng ý với những bút toán điều chỉnh của Kiểm toán ☒
3. Đề nghị Công ty Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES***
ký trước vào báo cáo chính thức. ☒
4. Cam kết gửi lại bản lưu Báo cáo kiểm toán cho **VIETVALUES*** ☒
5. Góp ý những vấn đề cần bổ sung, sửa đổi, điều chỉnh: ☐

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Ngày 24 tháng 01 năm 2025
Giám đốc 




NGUYỄN VĂN TRUNG

CÔNG TY TNHH TMV DỊCH VỤ CÔNG ÍCH QUẬN 1

Địa chỉ: 28-30 Nguyễn Thái Bình, phường Nguyễn Thái Bình, quận 1, TP. HCM.

Điện thoại: + 84-(28) 3821 5844

Fax: + 84-(28) 3914 2446

Số: ... /2022

THƯ GIẢI TRÌNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Kính gửi: Ông HUỖNH TRÚC LÂM – Phó Tổng Giám đốc
Bà CHU THỊ HUỆ – Kiểm toán viên
Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt

Thư giải trình này được cung cấp liên quan đến cuộc kiểm toán của Công ty Ông/Bà về báo cáo tài chính của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Công ích Quận 1 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 nhằm mục đích đưa ra ý kiến về việc liệu báo cáo tài chính có phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hay không.

Chúng tôi xác nhận rằng (với sự hiểu biết và tin tưởng cao nhất, chúng tôi đã tìm hiểu những thông tin mà chúng tôi cho là cần thiết để thu được những hiểu biết thích hợp):

- (1) Chúng tôi đã hoàn thành các trách nhiệm của mình, như đã thỏa thuận trong các điều khoản của Hợp đồng kiểm toán [số 2146/24/AUD.VVALUES ngày 04 tháng 07 năm 2024], đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; cụ thể là báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- (2) Chúng tôi đã sử dụng các giả định hợp lý để đưa ra các ước tính kế toán, kể cả ước tính về giá trị hợp lý;
- (3) Công ty có quyền sở hữu hợp pháp đối với tất cả các tài sản, không có tranh chấp liên quan tới các tài sản và không có các tài sản bị cầm cố cũng như thế chấp, ngoài các tài sản thế chấp đã thuyết minh trên báo cáo tài chính;
- (4) Chúng tôi đã ghi nhận hoặc trình bày đúng đắn tất cả các khoản nợ phải trả, bao gồm các khoản nợ thực tế và nợ tiềm tàng và đã trình bày tất cả các khoản bảo lãnh cho bên thứ ba và các bên liên quan của Công ty trên các báo cáo tài chính;
- (5) Chúng tôi xác nhận rằng Công ty đã không sử dụng bất kỳ luật sư nào trong năm cho bất kỳ tranh chấp hay khiếu nại nào;
- (6) Các mối quan hệ và giao dịch với các bên liên quan đã được giải thích và thuyết minh đầy đủ tại mục VIII.4 Bản thuyết minh báo cáo tài chính một cách phù hợp theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.
- (7) Tất cả các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán và cần phải được điều chỉnh và thuyết minh theo quy định của chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đều đã được điều chỉnh và thuyết minh.
- (8) Chúng tôi không có kế hoạch dừng sản xuất bất kỳ dòng sản phẩm nào có thể dẫn đến bất kỳ hàng tồn kho dư thừa hoặc quá hạn ngoài các hàng tồn kho quá hạn do không có đơn đặt hàng bán hàng trong tương lai mà chúng tôi đã trích lập dự phòng đầy đủ. Không có bất kỳ hàng tồn kho nào được ghi nhận theo giá trị vượt quá giá trị thuần có thể thực hiện được.

- (9) Chúng tôi không có bất kỳ kế hoạch nào có thể dẫn đến thay đổi trọng yếu giá trị cũng như phân loại của tài sản và nợ phải trả được trình bày trên báo cáo tài chính
- (10) Không phát sinh các vấn đề sau:
- Các thoả thuận với các tổ chức tài chính liên quan tới bù trừ các số dư, hoặc các thoả thuận liên quan tới hạn chế số dư tiền mặt và cung cấp tín dụng, hoặc các thoả thuận tương tự khác;
 - Các thoả thuận cam kết mua lại tài sản đã bán trước đó;
 - Hợp đồng quyền lựa chọn hoặc thoả thuận mua lại cổ phiếu, hoặc cổ phiếu được dành riêng cho việc thực hiện quyền lựa chọn, đảm bảo, chuyển đổi, hoặc việc thực hiện các cam kết khác;
 - Những thay đổi trong nguyên tắc kế toán có tác động tới tính nhất quán của số liệu.
- (11) Các khoản dự phòng cần thiết đã được lập:
- Chi phí phải gánh chịu khi hoàn tất, hoặc khi không thể hoàn tất một cam kết bán hàng;
 - Chi phí phải gánh chịu do cam kết mua hàng với khối lượng nhiều hơn yêu cầu thông thường hoặc với giá cao hơn giá thị trường;
 - Chi phí phải gánh chịu do việc giảm giá hàng tồn kho thừa hoặc lỗi thời tới giá trị thực hiện ròng;
 - Chi phí phải gánh chịu do việc giảm không mang tính tạm thời của giá trị vốn đầu tư;
 - Chi phí phải gánh chịu do việc dự phòng những khoản nợ khó đòi.
- (12) Mọi giao dịch bán đều đã được chốt và không có bất cứ một thoả thuận biệt lập nào với khách hàng, hoặc một điều khoản bán hàng nào, cho phép trả lại hàng đã bán, ngoại trừ trường hợp hàng bị hư hỏng hoặc điều kiện khác thường được áp dụng trong trường hợp bảo hành.
- (13) Chúng tôi đã cung cấp cho Ông/Bà:
- Quyền tiếp cận với tất cả tài liệu, thông tin mà chúng tôi nhận thấy có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính như sổ, tài liệu, chứng từ kế toán và các vấn đề khác;
 - Các tài liệu, thông tin bổ sung mà kiểm toán viên yêu cầu chúng tôi cung cấp để phục vụ cho mục đích kiểm toán;
 - Quyền tiếp cận không hạn chế với những cá nhân trong đơn vị mà kiểm toán viên xác định là cần thiết nhằm thu thập bằng chứng kiểm toán;
 - Các Biên bản họp, các Nghị quyết của HĐQT và Ban Giám đốc.
- (14) Tất cả các giao dịch đã được ghi chép trong tài liệu, sổ kế toán và đã được phản ánh trong báo cáo tài chính;
- (15) Chúng tôi không nhận thấy có rủi ro báo cáo tài chính có thể chứa đựng sai sót trọng yếu do gian lận;
- (16) Chúng tôi không nhận thấy có bất kỳ thông tin nào liên quan đến gian lận hoặc nghi ngờ gian lận có thể có ảnh hưởng đến đơn vị và liên quan đến: Ban Giám đốc; Những nhân viên có vai trò quan trọng trong kiểm soát nội bộ; hoặc các vấn đề khác mà gian lận có thể ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính.
- (17) Chúng tôi không nhận thấy có bất kỳ thông tin nào liên quan đến các cáo buộc gian lận hoặc nghi ngờ gian lận có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính của đơn vị mà chúng tôi được thông báo từ các nhân viên, nhân viên cũ của Công ty, các chuyên gia phân tích, các cơ quan quản lý hoặc những người khác.
- (18) Chúng tôi không nhận thấy có bất kỳ trường hợp nào không tuân thủ hoặc nghi ngờ không tuân thủ pháp luật và các quy định mà ảnh hưởng của việc không tuân thủ đó cần được xem xét khi lập và trình bày báo cáo tài chính.
- (19) Chúng tôi đã công bố cho Ông/Bà danh tính của các bên liên quan của đơn vị và tất cả các mối quan hệ và giao dịch với các bên liên quan mà chúng tôi biết.
- (20) Hiện tại, ngoài sự kiện như đã thuyết minh trong Bản thuyết minh báo cáo tài chính, không còn các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải xem xét lại số liệu đã trình bày trong Báo cáo

tài chính hoặc phải thuyết minh bổ sung. Chúng tôi sẽ thông báo cho Quý vị nếu có bất kỳ sự kiện trọng yếu nào xảy ra đòi hỏi phải trình bày lại số liệu hoặc thuyết minh bổ sung trong Báo cáo tài chính.

- (21) Các báo cáo tài chính đã thuyết minh tất cả các vấn đề mà chúng tôi biết có liên quan đến khả năng hoạt động theo nguyên tắc hoạt động liên tục.
- (22) Chúng tôi đã cân nhắc đến tất cả các bút toán điều chỉnh, ý kiến kiểm toán ngoại trừ và vấn đề cần nhấn mạnh mà Quý vị đề nghị và xác nhận chúng tôi chấp nhận các bút toán điều chỉnh, ý kiến kiểm toán ngoại trừ và vấn đề cần nhấn mạnh này.

Trân trọng,

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 01 năm 2025



Giám đốc

NGUYỄN VĂN TRUNG

Kế toán trưởng

TRƯƠNG NGỌC KIM NGÀ